

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN
Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 20/4/2026. Sửa chữa xong 22/5/2026. Duyệt đăng 07/6/2026.

Abstract

Resolution No. 68-NQ/TW of the Politburo on promoting the development of the private economy marks a fundamental shift in the Party's theoretical and practical thinking regarding the position and role of this economic sector. This article focuses on analyzing the new guiding principles, identifying systemic barriers, and proposing a strategic roadmap to unlock resources and enhance the competitiveness of the private economy, thereby contributing to the successful achievement of the country's industrialization and modernization goals in the context of the Fourth Industrial Revolution.

Keywords: Developing, private economy, promoting, resolution 68, solutions.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, nền kinh tế thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính cấu trúc dưới tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0). Sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa trên tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình phát triển dựa trên tri thức, đổi mới sáng tạo và năng suất lao động đã trở thành xu thế tất yếu của các quốc gia đang phát triển. Tại Việt Nam, sau 40 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn nhất quán khẳng định vai trò then chốt của kinh tế tư nhân (KTTN) trong sự nghiệp phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Khu vực kinh tế này không chỉ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP, giải quyết việc làm mà còn là nhân tố chủ lực trong việc nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc gia. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển KTTN đã ra đời, đóng vai trò là “kim chỉ nam” quan trọng, tạo ra bước ngoặt mới trong tư duy chiến lược của Đảng. Nghị quyết không chỉ tái khẳng định vị thế của KTTN như một động lực thực sự quan trọng của nền kinh tế mà còn đặt ra yêu cầu phải có các giải pháp đột phá, quyết liệt nhằm khơi thông mọi nguồn lực, xóa bỏ những định kiến cũ và kiến tạo một môi trường kinh doanh thực sự bình đẳng, minh bạch. Việc phân tích và cụ thể hóa tinh thần của Nghị quyết 68-NQ/TW không chỉ mang ý nghĩa lý luận sâu sắc trong việc hoàn thiện đường lối phát triển kinh tế, mà còn là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn để KTTN Việt Nam đủ sức vươn mình, khẳng định vị thế và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong tình hình mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những nội dung cốt lõi trong Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị không chỉ là sự tiếp nối các quan điểm đã có về phát triển KTTN mà còn đánh dấu một bước chuyển mình mang tính đột phá trong tư duy lý luận của Đảng về vị trí, vai trò của khu vực này trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nội dung cốt lõi đầu tiên và quan trọng nhất chính là việc tái xác định vị thế của KTTN. Đảng ta không còn dừng lại ở việc xem KTTN là một bộ phận “cấu thành” mà khẳng định đây là động lực quan trọng, chủ lực để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội (Ban Chấp hành Trung ương, 2025b). Sự thay đổi trong cách

Email: Hoanghienluong85@gmail.com

diễn đạt này phản ánh nhận thức sâu sắc về việc chuyển dịch mô hình tăng trưởng: Từ dựa vào đầu tư công và khai thác tài nguyên thô sang dựa vào hiệu quả, năng suất lao động và sự năng động, sáng tạo của khối tư nhân. Trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới kỷ nguyên vươn mình, sự lớn mạnh của KTTN không chỉ đơn thuần là tăng trưởng GDP mà còn là thước đo sức mạnh nội lực quốc gia, là “lá chắn” quan trọng để bảo đảm an ninh kinh tế trong một thế giới đầy biến động.

Nghị quyết nhấn mạnh vào sự chuyển đổi về phương thức quản lý và vai trò kiến tạo của Nhà nước. Đây là nội dung mang tính định hướng thể chế then chốt. Thay vì duy trì cơ chế quản lý bằng các biện pháp hành chính trực tiếp, Nghị quyết yêu cầu Nhà nước phải đóng vai trò là “người dẫn dắt” và “người kiến tạo”. Điều này đồng nghĩa với việc các quy định pháp luật phải được rà soát để loại bỏ triệt để những rào cản chống chéo, các “giấy phép con” làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Nhà nước cần xây dựng một môi trường kinh doanh thực sự minh bạch, bình đẳng, nơi doanh nghiệp tư nhân được cạnh tranh công bằng với doanh nghiệp nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Việc kiến tạo môi trường bao gồm cả bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp, quyền tự do kinh doanh và sự ổn định của chính sách. Thông điệp này nhằm củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, giúp họ yên tâm mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực then chốt.

Định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng tăng trưởng của khu vực tư nhân. Nghị quyết đặt ra yêu cầu phải dịch chuyển từ phát triển số lượng sang phát triển chất lượng, trong đó đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trở thành các yếu tố bắt buộc. Đảng khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển (R&D), áp dụng công nghệ cao để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Không chỉ dừng lại ở các doanh nghiệp quy mô lớn, Nghị quyết cũng dành sự quan tâm đặc biệt đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) thông qua chính sách hỗ trợ về tiếp cận tín dụng, đào tạo kỹ năng quản trị và hỗ trợ kết nối chuỗi cung ứng. Việc hình thành các “sếu đầu đàn” tư nhân có năng lực cạnh tranh quốc tế là nhiệm vụ chiến lược, giúp Việt Nam không chỉ đứng vững trong khu vực mà còn vươn tầm ra thế giới, khẳng định vị thế của thương hiệu Việt.

Việc gắn kết KTTN với trách nhiệm xã hội và mục tiêu phát triển bền vững. Đảng khẳng định rằng, KTTN không chỉ hướng tới tối đa hóa lợi nhuận mà phải hài hòa lợi ích với cộng đồng, bảo vệ môi trường và tham gia sâu rộng vào các chính sách an sinh xã hội. Nghị quyết đặc biệt nhấn mạnh đến tiêu chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) như một điều kiện cần để doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững. Đảng khuyến khích việc tổ chức Đảng và các đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo hướng linh hoạt, thực chất, tạo ra sợi dây liên kết giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của quốc gia - dân tộc. Điều này không chỉ giúp tạo ra một môi trường làm việc hài hòa, ổn định mà còn xây dựng một đội ngũ doanh nhân có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức kinh doanh chuẩn mực, góp phần vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nghị quyết đặt ra yêu cầu đổi mới nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị. Phát triển KTTN không phải là trách nhiệm riêng của ngành kinh tế mà là nhiệm vụ của tất cả các cấp ủy, chính quyền từ trung ương đến địa phương. Nghị quyết yêu cầu xóa bỏ mọi định kiến, tâm lý e dè đối với sự phát triển của tư nhân. Việc thực hiện Nghị quyết đòi hỏi sự đồng bộ từ tư duy đến hành động, từ việc xây dựng chính sách đến khâu thực thi thực tế. Đây chính là yếu tố nền tảng để KTTN thực sự trở thành lực lượng chủ lực trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI.

2.2. Thực trạng và những rào cản nội tại của khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam

2.2.1. Điểm nghẽn thể chế và sự chống chéo trong hệ thống pháp luật

Rào cản đầu tiên và quan trọng nhất đối với KTTN tại Việt Nam nằm ở hệ thống thể chế kinh tế. Mặc dù công cuộc cải cách đã đạt được nhiều thành tựu nhưng tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật vẫn là một thách thức lớn. Các doanh nghiệp thường xuyên đối mặt với tình trạng “vừa làm, vừa nghe ngóng” do các quy định pháp luật thay đổi liên tục hoặc thiếu sự hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc vận dụng pháp luật không thống nhất giữa các cơ quan quản lý. Sự chống chéo giữa các luật chuyên ngành (như Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và Luật Kinh doanh bất động sản) tạo ra những “nút thắt” hành

chính khiến quy trình cấp phép dự án kéo dài, làm tăng chi phí cơ hội và chi phí tuân thủ (Chính phủ, 2025). Ví dụ: Một dự án bất động sản hoặc hạ tầng công nghiệp tại nhiều địa phương thường mất từ 2-3 năm chỉ để hoàn thành các thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp phép xây dựng. Việc phải làm việc với hàng chục cơ quan khác nhau với các quy trình thiếu tính kết nối khiến doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ gần như bị kiệt quệ tài chính trước khi dự án kịp triển khai. Đây chính là rào cản vô hình làm giảm động lực đầu tư dài hạn của các doanh nghiệp trong nước.

2.2.2. Hạn chế về năng lực nội tại và trình độ quản trị doanh nghiệp

Xét về cấu trúc, khu vực KTTN Việt Nam vẫn bị thống trị bởi các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa (SMEs), chiếm tới hơn 97% tổng số doanh nghiệp. Nhóm doanh nghiệp này thường đối mặt với tình trạng năng lực quản trị theo kiểu “gia đình trị”, thiếu tính chuyên nghiệp và minh bạch trong báo cáo tài chính. Do thiếu các tiêu chuẩn quản trị hiện đại (như quản trị rủi ro, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị nguồn nhân lực chất lượng cao), các doanh nghiệp này thường gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô sản xuất hoặc khó đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe từ các tập đoàn đa quốc gia. Ví dụ: Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí chế tạo tại Việt Nam có tay nghề kỹ thuật rất tốt nhưng lại không thể trở thành nhà cung ứng cấp 1 cho các tập đoàn công nghệ lớn như Samsung hay Toyota vì thiếu hệ thống quản lý chất lượng (QMS) đạt chuẩn quốc tế hoặc không đủ năng lực để duy trì sự ổn định về nguồn cung dài hạn. Sự thiếu hụt về tư duy chiến lược và quản trị hiện đại khiến các doanh nghiệp này mãi loay hoay trong phân khúc thị trường thấp, thiếu sự bứt phá để vươn tầm khu vực.

2.2.3. Rào cản trong việc tiếp cận nguồn lực và điểm nghẽn tài chính

Tiếp cận vốn và đất đai vẫn là hai khó khăn mang tính “kinh niên” đối với khu vực KTTN. Mặc dù hệ thống ngân hàng thương mại phát triển mạnh nhưng việc tiếp cận nguồn tín dụng dài hạn với lãi suất hợp lý đối với các doanh nghiệp tư nhân không có tài sản đảm bảo hữu hình (đặc biệt là các doanh nghiệp startup công nghệ) là vô cùng khó khăn. Ngoài ra, sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực công (như các khu đất vàng, các ưu đãi đầu tư) giữa khối tư nhân và khối doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vẫn tồn tại, tạo ra sự chênh lệch lớn về lợi thế cạnh tranh (Bộ Chính trị, 2011). Ví dụ: Trong khi các DNNN có lợi thế tiếp cận nguồn vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi hoặc dễ dàng được cấp quỹ đất lớn tại các vị trí chiến lược, thì doanh nghiệp tư nhân thường phải vay vốn thương mại với lãi suất cao và quy trình thẩm định tài sản thể chấp khắt khe. Điều này không chỉ đẩy chi phí đầu vào lên cao mà còn làm giảm khả năng cạnh tranh về giá thành sản phẩm của khu vực tư nhân trên thị trường nội địa.

2.2.4. Sự đứt gãy trong liên kết chuỗi và khả năng tham gia thị trường quốc tế

Kinh tế tư nhân tại Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại sự tách biệt giữa khu vực doanh nghiệp nội địa và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Phần lớn doanh nghiệp tư nhân mới chỉ tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, hoặc cung ứng dịch vụ logistics cơ bản. Sự thiếu hụt năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D) khiến các doanh nghiệp không thể tạo ra sản phẩm có hàm lượng tri thức cao. Điều này dẫn đến thực trạng khu vực tư nhân “đứng ngoài lề” trong chuỗi cung ứng toàn cầu, khó lòng chuyển dịch sang các phân khúc có biên lợi nhuận cao hơn (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Ví dụ: Ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam dù đã có những bước tiến, nhưng hầu hết doanh nghiệp chỉ cung ứng được những linh kiện đơn giản như ốc vít, bao bì nhựa cho các công ty FDI. Trong khi đó, các linh kiện công nghệ cao, đòi hỏi kỹ thuật phức tạp thường vẫn phải nhập khẩu. Sự đứt gãy này không chỉ do năng lực công nghệ hạn chế mà còn do thiếu sự kết nối thông tin giữa các doanh nghiệp nội địa, dẫn đến tình trạng “mạnh ai nấy làm”, thiếu sự cộng hưởng để cùng nâng cao sức cạnh tranh tổng thể.

2.2.5. Những thách thức từ tư duy quản trị và định kiến xã hội

Một rào cản không kém phần quan trọng là định kiến xã hội và tư duy quản lý còn mang nặng tính cục bộ. Ở một số bộ phận, sự thành công của KTTN vẫn chưa được nhìn nhận một cách công bằng, dẫn đến tâm lý e ngại của doanh nhân khi muốn mở rộng quy mô lớn hoặc đầu tư vào các lĩnh vực nhạy cảm (Ban Chấp hành Trung ương, 2025a). Việc thiếu sự bảo vệ pháp lý cần thiết cho các quyết định kinh doanh mang tính rủi ro đã khiến nhiều doanh nhân chọn cách an toàn, thu hẹp sản xuất thay vì đổi mới sáng tạo. Ví dụ: Nhiều doanh nhân thành đạt chia sẻ rằng họ cảm thấy thiếu an tâm khi đầu tư quá

lớn vào các dự án dài hạn do lo ngại về sự thay đổi đột ngột của chính sách hoặc những rủi ro pháp lý ngoài ý muốn. Tâm lý “thủ thế” này là một tổn thất rất lớn cho nền kinh tế, vì nó kìm hãm dòng vốn đầu tư tư nhân, khiến nguồn lực quốc gia bị ứ đọng thay vì được đưa vào lưu thông để tạo ra giá trị mới.

2.3. Giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị

2.3.1. Đột phá trong hoàn thiện thể chế và kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng

Nghị quyết 68-NQ/TW đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xóa bỏ mọi rào cản hành chính đang kìm hãm sức sản xuất của khu vực KTTN. Giải pháp này không chỉ dừng lại ở việc cắt giảm thủ tục hành chính mà cần thay đổi căn bản tư duy quản trị từ “quản lý” sang “phục vụ”. Nhà nước cần rà soát và loại bỏ các quy định chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Đầu tư, Luật Đất đai và các luật chuyên ngành khác. Quan trọng hơn, cần luật hóa nguyên tắc “bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực”, đảm bảo doanh nghiệp tư nhân có cơ hội ngang hàng với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI trong việc tiếp cận đất đai, nguồn vốn và các dự án đầu tư công (Chính phủ, 2025). Ví dụ: Điển hình là việc cải cách thủ tục hành chính thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và đẩy mạnh Chính phủ số. Khi các thủ tục cấp phép dự án được công khai trên môi trường mạng, doanh nghiệp không còn phải đối mặt với “phí lót tay” hay sự tùy tiện của cán bộ cấp cơ sở. Việc áp dụng cơ chế đấu thầu công khai cho các dự án hạ tầng giao thông lớn đã giúp các tập đoàn tư nhân như Vingroup, Sun Group hay các doanh nghiệp xây dựng tư nhân có cơ hội trực tiếp tham gia thi công cao tốc, qua đó khẳng định năng lực thực thi và rút ngắn thời gian hoàn thành dự án so với các phương thức truyền thống.

2.3.2. Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo - đòn bẩy nâng cao năng lực cạnh tranh

Trong kỷ nguyên kinh tế số, Nghị quyết nhấn mạnh khoa học công nghệ là chìa khóa để nâng cao năng suất lao động. Chính phủ cần thiết kế các gói ưu đãi thuế đặc thù cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào R&D, chuyển đổi mô hình từ thâm dụng lao động sang thâm dụng tri thức. Cần có các quỹ hỗ trợ chuyển đổi số quốc gia, cung cấp hạ tầng công nghệ dùng chung để doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) có thể tiếp cận công nghệ cao với chi phí tối ưu. Đồng thời, cần xây dựng các vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia để kết nối trí tuệ của đội ngũ tri thức với nhu cầu thực tế của sản xuất kinh doanh. Ví dụ: Trong lĩnh vực nông nghiệp, nhiều doanh nghiệp tư nhân đã ứng dụng nông nghiệp chính xác (Precision Agriculture) sử dụng cảm biến IoT và AI để quản lý dinh dưỡng cây trồng. Việc này giúp doanh nghiệp giảm 20-30% chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, xuất khẩu thành công vào các thị trường khó tính như Mỹ và EU. Đây chính là minh chứng cho thấy sự hỗ trợ kịp thời từ chính sách về công nghệ sẽ trực tiếp làm thay đổi diện mạo và chất lượng của KTTN.

2.3.3. Khai thông nguồn lực tài chính và phát triển thị trường vốn bền vững

Điểm nghẽn về vốn là thách thức lớn nhất của khu vực tư nhân. Giải pháp chiến lược ở đây là phải chuyển dịch từ việc phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng sang phát triển đồng bộ thị trường vốn. Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý cho trái phiếu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư tư nhân (Private Equity) hoạt động minh bạch. Cần xây dựng các cơ chế bảo lãnh tín dụng thông qua các quỹ nhà nước cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ thông tin, năng lượng sạch và công nghệ sinh học. Ví dụ: Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn gần đây đã giúp hàng loạt tập đoàn tư nhân niêm yết thành công, huy động nguồn vốn dài hạn từ công chúng để mở rộng quy mô. Việc Chính phủ khuyến khích các ngân hàng thương mại triển khai gói tín dụng xanh cũng đã tạo động lực cho các doanh nghiệp chuyển dịch đầu tư vào sản xuất sạch, giúp họ tiếp cận được dòng vốn ưu đãi từ các định chế tài chính quốc tế.

2.3.4. Gắn kết kinh tế tư nhân với trách nhiệm xã hội và mục tiêu phát triển bền vững (ESG)

Nghị quyết số 68-NQ/TW đề cao vai trò của khu vực tư nhân trong việc thực hiện sứ mệnh phát triển bền vững quốc gia. Các doanh nghiệp cần chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh. Nhà nước cần xây dựng bộ tiêu chí xanh và ưu tiên các ưu đãi về thuế, phí cho các doanh nghiệp thực hiện tốt cam kết ESG. Điều này không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là yêu cầu bắt buộc để doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu (Quốc hội, 2023). Ví dụ: Hiện nay, nhiều

doanh nghiệp dệt may, da giày Việt Nam đã đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời áp mái và quy trình xử lý nước thải đạt chuẩn quốc tế. Nhờ vậy, họ đã vượt qua các “hàng rào xanh” từ thị trường nhập khẩu, duy trì và mở rộng được các đơn hàng lớn từ các đối tác đa quốc gia, khẳng định rằng trách nhiệm xã hội chính là chìa khóa để nâng cao lợi thế cạnh tranh bền vững.

2.3.5. Tăng cường vai trò của các tổ chức Đảng và đoàn thể trong doanh nghiệp

Đây là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích doanh nghiệp và lợi ích quốc gia - dân tộc. Việc đổi mới phương thức hoạt động của tổ chức Đảng theo hướng thực chất, không hành chính hóa sẽ giúp tạo ra môi trường làm việc hài hòa, ổn định. Tổ chức Đảng cần đóng vai trò là “điểm tựa” chính trị, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cả chủ doanh nghiệp và người lao động, thúc đẩy tinh thần yêu nước và đạo đức kinh doanh. Ví dụ: Tại các tập đoàn KTTN lớn, khi tổ chức Đảng hoạt động hiệu quả, sự gắn kết giữa người lao động và ban lãnh đạo trở nên chặt chẽ hơn thông qua các phong trào thi đua sản xuất và các chương trình an sinh xã hội cho công nhân. Điều này không chỉ giảm thiểu các tranh chấp lao động mà còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp nhân văn, tạo nền tảng vững chắc để doanh nghiệp đối mặt với mọi biến động của thị trường.

3. Kết luận

Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị không chỉ là một văn bản định hướng kinh tế đơn thuần mà còn là bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về vai trò của khu vực KTTN trong thời đại mới. Việc khẳng định KTTN là “động lực quan trọng” trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã giải phóng những nút thắt tâm lý, tạo tiền đề để huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội vào phát triển đất nước. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống đòi hỏi sự đồng bộ quyết liệt từ nhận thức đến hành động, từ xây dựng khung khổ pháp lý đến thực thi chính sách ở mọi cấp, mọi ngành. Thành công của việc hiện thực hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW phụ thuộc vào ba trụ cột chiến lược: 1) Sự đột phá về tư duy hành chính: Nhà nước không chỉ đóng vai trò quản lý mà phải chuyển mình trở thành “người kiến tạo” và “người hỗ trợ”, nơi các rào cản hành chính được bãi bỏ để doanh nghiệp tư nhân thực sự tự chủ và sáng tạo; 2) Sự phát triển của KTTN cần gắn liền với tinh thần đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh: Đây không còn là lựa chọn mang tính hình thức mà là điều kiện bắt buộc để doanh nghiệp Việt Nam khẳng định vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về trách nhiệm xã hội và môi trường (ESG); 3) Xây dựng niềm tin giữa khu vực công và khu vực tư: Điều này thông qua cơ chế đối thoại thực chất và bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp sẽ là nền tảng cốt lõi để thu hút đầu tư dài hạn. Trong chặng đường tới, việc kiên trì thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW chính là chìa khóa để Việt Nam hiện thực hóa khát vọng phát triển, đưa KTTN thực sự trở thành lực lượng chủ lực, tiên phong trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là một hành trình dài hạn, đòi hỏi sự kiên định, bản lĩnh chính trị và tư duy đổi mới không ngừng từ phía Nhà nước, cùng với khát vọng vươn lên mạnh mẽ từ cộng đồng doanh nhân. Sự thành công của khu vực KTTN xét đến cùng, chính là minh chứng rõ nét nhất cho sức sống mãnh liệt của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, góp phần đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2025a). *Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2025b). *Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân*.
- Bộ Chính trị (2011). *Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/12/2011 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*.
- Chính phủ (2025). *Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025*.
- Phạm Minh Chính (2025). *Bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*. Báo Kinh tế và Đô thị, ngày 18/5/2025.
- Quốc hội (2023). *Báo cáo giám sát tối cao việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân*.